

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC 1 - QUÂN KHU 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST

Ngày 09-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 1 - QUÂN KHU 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 2// Lương Hữu Thật.

Các Hội thẩm quân nhân:

3// Đặng Hoa Bắc;

2// Nguyễn Anh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: 1/ Phạm Minh Thắng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 1 - Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 tham gia phiên tòa: 3// Phạm Quốc Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2018, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 17/6/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 29/7/2018 đối với bị cáo:

Đoàn Mạnh C, sinh ngày 21/5/1983 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn TB, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Công nhân, Công ty CKHC 13, Tổng cục CN; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Đức K và bà Lê Thị H; vợ là Nguyễn Lâm T và 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị tạm giam từ ngày 20/3/2018 cho đến nay tại Trại Tạm giam QSQK2 - Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trương Văn D, Luật sư, Văn phòng Luật sư PT, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội - Có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/11/1984; nơi cư trú: Thôn LB, xã ĐB, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do - Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người giám định:

1. Ông Lương Văn N1; sinh năm 1959; nghề nghiệp: Giám định viên, Trung tâm Pháp y tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. Ông Nguyễn Anh T; sinh năm 1968; nghề nghiệp: Giám định viên, Trung tâm Pháp y tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

+ *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Hữu H - Có mặt;
2. Nguyễn Mạnh H1 - Vắng mặt;
3. Trần Văn Đ - Có mặt;
4. Nguyễn Quang T1 - Có mặt;
5. Nguyễn Ngọc P - Vắng mặt;
6. Lê Tiến M - Có mặt.
7. Ninh Mai A - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 14 giờ ngày 13/3/2017, sau khi gọi điện hẹn Đoàn Mạnh C đến ngã tư công trường Trung học phổ thông (THPT) SL thuộc thôn 3, xã ĐC, thành phố Tuyên Quang để giải quyết mâu thuẫn trước đó, Nguyễn Văn N liền điều khiển xe mô tô của mình chở Nguyễn Quang T1 đến điểm hẹn. Trên đường đi, khi gặp Nguyễn Ngọc P, Lê Tiến M; N, T1 đã nói đi gặp C để nói chuyện rồi rủ P, M đi cùng và không trao đổi, bàn bạc gì thêm. Khi đến ngã tư công trường THPT SL, nhóm của N đã gặp C đứng chờ sẵn ở đó. Trong lúc, hai bên giải quyết mâu thuẫn bằng lời nói, C đã cầm gậy rút ba khúc bằng kim loại (gậy rút kim loại) mang theo bằng tay trái, vục một nhát vào vai phải của N rồi cầm gậy bỏ chạy. Thấy vậy, T1, M liền đuổi theo C; N mở cốp xe mô tô lấy một chiếc gậy rút kim loại đuổi theo được một đoạn rồi nhờ P điều khiển xe mô tô của P chở N đuổi theo để đánh C. Trong lúc đuổi theo C, M đã nhặt một viên đá ở ven đường ném về phía C nhưng không trúng. Khi chạy đến đầu đường bê tông cạnh khu vui chơi nhà anh Nguyễn Hữu M1 thuộc thôn LB, xã ĐB, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang thấy C chạy rẽ vào đường bê tông, N liền bảo P dừng xe để N nhảy xuống chạy bộ về phía C. Tới nơi, N cầm gậy rút kim loại bằng tay phải lao về phía C để vục C nhưng bị trượt. Cùng lúc đó, C cầm gậy rút kim loại bằng tay trái vục lại trúng gò má bên phải của N, làm N bị choáng, ngã nghiêng phải trên đường bê tông, đầu hướng khu vui chơi, chân hướng đôi chè, mặt ngửa, đầu hơi nghiêng sang bên phải. Thấy N bị ngã, C vục thêm một nhát nữa trúng trán bên trái của N, rồi nhặt chiếc gậy của N, mỗi tay cầm một gậy khua khoắng và bỏ chạy. N bị chảy nhiều máu được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa HV, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ và Bệnh viện VĐ, Hà Nội.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT), Công an huyện YS, tỉnh Tuyên Quang lập hồi 17 giờ 00 phút ngày 13/3/2017, xác định: “Hiện trường nơi xảy ra vụ việc tại đường bê tông liên xóm thuộc thôn LB, xã ĐB, huyện YS đã bị xáo trộn. Vị trí số 1, vùng dấu vết máu nhỏ giọt còn tươi, kích thước 0,59 x 0,35m... Vị trí số 2, vùng dấu vết máu loang, nhỏ giọt còn tươi, kích thước 0,40 x 0,18m...”.

Tại Kết luận giám định số 174/GĐSH(PC54) ngày 14/4/2017 của Phòng KTHS, Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Dấu vết (A1, A2) thu tại hiện

trường là máu người, thuộc nhóm máu AB... Máu của Nguyễn Văn N (M) thuộc nhóm máu AB.

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích số 92/2017/TgT ngày 15/6/2017 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế Tuyên Quang đối với bị hại Nguyễn Văn N; và tại phiên tòa, người giám định Lương Văn N1, Nguyễn Anh T cho rằng thương tích của Nguyễn Văn N được trung cầu giám định sau khi vụ việc xảy ra gần 3 tháng nên chỉ đủ cơ sở kết luận: Các sẹo kích thước như mô tả: 2%; gãy cung gò má phải đã phẫu thuật điều trị hiện còn phương tiện kết hợp xương: 10%; vỡ thành trước xoang hàm phải đã được phẫu thuật điều trị hiện còn phương tiện kết hợp xương: 11%. Cơ chế, vật gây thương tích: Thương tích do vật tày tác động trực tiếp gây nên. Tỷ lệ gây thương tích hiện tại là 22%.

Bị cáo Đoàn Mạnh C khai tại phiên tòa có nội dung: "... Bị cáo cầm gậy rút kim loại mang theo bằng tay trái vọt N một nhát vào vai phải rồi bỏ chạy. ... Ở đường bê tông cạnh nhà anh M1, khi anh N chạy đến gần đã giơ gậy vọt bị cáo, bị cáo liền né và cầm gậy khua khoắng, vọt đề N không vào gần, đánh bị cáo được. Trong lúc khua khoắng đã khua trúng anh N; sau đó, bị cáo cúi xuống cầm chiếc gậy của anh N, mỗi tay cầm một chiếc và bỏ chạy. Những thương tích của anh N là do bị cáo gây ra. Tất cả hành động của bị cáo chỉ là tự vệ; bản thân bị cáo không bị thương tích gì".

Bị hại Nguyễn Văn N khai có nội dung: "... Khi tôi chạy đến cách chỗ bị cáo C đứng khoảng 01 mét, lúc này chỉ có tôi và bị cáo C. Tôi giơ gậy bằng tay phải vọt C nhưng không trúng, liền bị C cầm gậy rút kim loại bằng tay trái vọt một nhát trúng vào gò má bên phải của tôi làm tôi choáng, ngã xuống đường bê tông, bất tỉnh luôn".

Người làm chứng Nguyễn Quang T1, Lê Tiến M tại phiên tòa và người làm chứng Nguyễn Ngọc P tại Cơ quan Điều tra khai về nội dung sự việc như đã nêu trên và có nội dung: "... Khi chạy đuổi nhau từ ngã tư cổng trường THPT SL đến khu vui chơi nhà anh Nguyễn Hữu M1, bị cáo C và bị hại N đều cầm theo một chiếc gậy rút kim loại. Tại địa điểm đường bê tông liền xóm gần nhà anh M1, khi xảy ra vụ việc đánh nhau chỉ có C và N, mỗi người cầm một chiếc gậy rút kim loại, ngoài ra không còn người nào khác".

Người làm chứng Nguyễn Hữu H tại phiên tòa và Nguyễn Mạnh H1 tại Cơ quan Điều tra còn khai: "... Sau khi N vọt trượt C, tôi thấy C cầm gậy rút kim loại bằng tay trái vọt N một nhát vào vùng má phải làm N ngã xuống đường. Thấy N ngã, C vọt N một nhát nữa vào vùng đầu mặt. Sau đó, C cúi xuống nhặt gậy của N, mỗi tay cầm một gậy, khua khoắng rồi bỏ chạy. Một lúc sau, có hai thanh niên đến đưa N đi cấp cứu".

Người làm chứng Trần Văn Đ khai tại phiên tòa có nội dung: "Tôi nhìn thấy ba người thanh niên đuổi nhau, tất cả đều chạy bộ. Anh C chạy trước, tay có cầm một đoạn gậy dài khoảng 50 - 60 cm, tôi không biết là gậy sắt hay gậy gỗ. Hai thanh niên đuổi theo phía sau có ném một vài hòn đá về phía anh C, ngoài ra không cầm theo đồ vật gì...".

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSQSKV22 ngày 15/6/2018 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 đã truy tố bị cáo Đoàn Mạnh C về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015.

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh, điều luật như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; đồng thời phân tích các chứng cứ, tài liệu chứng minh tính chất, mức độ hành vi phạm tội và mức độ lỗi của bị cáo.

- Về hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm đ khoản 2, Điều 134, Điều 38, Điều 54 BLHS năm 2015; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 (bị cáo được tặng 01 giấy khen và bố, mẹ bị cáo được Nhà nước tặng Huân, huy chương), xử phạt bị cáo Đoàn Mạnh C từ 12 tháng đến 18 tháng tù, kể từ ngày bị bắt tạm giam (20/3/2018).

- Về dân sự, đề nghị căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự (BLDS), bị cáo Đoàn Mạnh C và bị hại Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm dân sự theo phần lỗi của mình, gồm các khoản:

+ Chi phí cấp cứu, điều trị Nguyễn Văn N tại Bệnh viện đa khoa HV, huyện DH, tỉnh Phú Thọ là 1.540.000 đồng; Bệnh viện VĐ, Hà Nội là 11.672.679 đồng. Tiền xăng xe ô tô đưa N đi cấp cứu tại Bệnh viện VĐ, Hà Nội là 650.000 đồng. Tổng cộng là: 13.862.679 đồng.

+ Thu nhập bị mất của Nguyễn Văn N trong những ngày đi viện là: $(2.166.000 \text{ đồng} / 30 \text{ ngày}) \times 07 \text{ ngày} = 505.452 \text{ đồng}$. Thu nhập bị mất sau khi N ra viện là: $(2.166.000 \text{ đồng} / 30 \text{ ngày}) \times 10 \text{ ngày} = 722.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là: 1.227.452 đồng.

+ Thu nhập bị mất của chị Ninh Mai A trong những ngày đi chăm sóc bị hại: Tổng thu nhập 03 tháng lương chị A được nhận từ tháng 01 đến tháng 3/2017 là: 14.795.384 đồng. Thu nhập bình quân 01 tháng là: $14.795.384 \text{ đồng} / 3 = 4.931.794 \text{ đồng}$. Thu nhập chị A bị mất là: $(4.931.794 \text{ đồng} / 26 \text{ ngày}) \times 07 \text{ ngày đi chăm sóc} = 1.327.790 \text{ đồng}$.

+ Bù đắp tổn thất tinh thần từ 05 - 10 lần mức lương cơ sở: 6.950.000 đồng đến 13.900.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả 7.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 gậy rút kim loại.

Bị cáo C cho rằng: Hành vi của bị cáo chỉ là tự vệ khi bị nhiều người tấn công.

Bị hại N nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Luật sư Trương Văn D, bào chữa cho bị cáo, phân tích nguyên nhân, động cơ phạm tội của bị cáo; và cho rằng, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp gây thương tích cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do một phần lỗi của bị hại N. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo C là lao động chính, phải chăm sóc bà nội già yếu, bố bị tai biến mạnh máu não, mẹ bị thoát vị đĩa đệm, chú ruột mắc bệnh đái tháo đường và nuôi con nhỏ. Đề nghị HĐXX xét xử

đúng người, đúng tội; xem xét các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng mức án thấp nhất, giúp bị cáo sớm hòa nhập với cộng đồng.

Đôi đáp với ý kiến của bị cáo C và Luật sư bào chữa, Kiểm sát viên cho rằng: Trước khi đến điểm hẹn tại ngã tư cổng trường THPT SL bị cáo và bị hại đều chuẩn bị gây rút kim loại. Bị cáo hoàn toàn tự chủ, kìm chế được hành vi của mình; trong khi N, T1, P, M chưa có hành động gì thì bị cáo đã chủ động dùng gây rút kim vut vào vai phải bị hại N. Do bị vut, nên N mới lấy gây rút ở cốp xe đuổi theo bị cáo và vut trượt; bị cáo đã dùng gây rút kim loại vut trúng gò má bên phải bị hại N làm bị hại choáng, ngã xuống đường bê tông, không còn khả năng gây nguy hiểm cho bị cáo; nhưng bị cáo vẫn cố tình vut thêm một nhát nữa trúng trán bên trái bị hại N. Vì vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm: Bị cáo Đoàn Mạnh C đã thực hiện hành vi cố ý gây thương tích quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 mà không phải là hành vi tự vệ, gây thương tích cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Về hành vi bị hại N giờ gây vut bị cáo, Viện kiểm sát đã đề nghị HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại” cho bị cáo. Do vậy, tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét, áp dụng đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo C nhất trí với ý kiến bào chữa của Luật sư; ân hận về hành vi nông nổi của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình, lao động khắc phục khó khăn nuôi con, phụng dưỡng bà nội, bố, chú ruột và bồi thường thiệt hại cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực - Tổng cục CN, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và người bào chữa trong quá trình xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX thấy các hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng và người bào chữa trong vụ án đều thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Do tính chất vụ việc tố giác, tin báo tội phạm có tính chất phức tạp nên Cơ quan CSĐT Công an huyện YS đã đề nghị và Viện kiểm sát nhân dân huyện YS đã nhất trí kéo dài thời hạn giải quyết tin báo. Đến ngày 25/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện YS mới thông báo cho Cơ quan điều tra hình sự Khu vực - Tổng cục CN biết, tiếp nhận hồ sơ vụ việc điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Mạnh C, căn cứ vào sự phù hợp giữa lời khai của bị cáo, bị hại Nguyễn Văn N; người làm chứng Nguyễn Hữu H, Nguyễn Mạnh H1, Trần Văn Đ, Nguyễn Quang T1, Nguyễn Ngọc P, Lê Tiến M, người giám định Lương Văn N1, Nguyễn Anh T, kết luận pháp y về

thương tích và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở nhận định: Khoảng hơn 14 giờ ngày 13/3/2017, sau khi lời qua tiếng lại để giải quyết mâu thuẫn tại ngã tư cổng trường THPT SL. Bị cáo C đã cầm gậy rút kim loại mang theo bằng tay trái, vụt vào vai phải bị hại N rồi bỏ chạy. Thấy N bị đánh, T1, M liền đuổi theo C. Bị hại N mở cốp xe lấy một chiếc gậy rút kim loại, nhờ P chở đuổi theo C. Đến đầu đường bê tông, N bảo P dừng xe để N nhảy xuống chạy bộ về phía C đang đứng ở khu vực đường bê tông liên xóm thuộc thôn LB, xã ĐB, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang (gần nhà anh Nguyễn Hữu M1); lúc này chỉ có bị cáo C và bị hại N. Sau khi bị N cầm gậy rút kim loại bằng tay phải vụt trượt, bị cáo C liền cầm gậy rút kim loại bằng tay trái vụt trúng gò má bên phải của bị hại N làm N choáng, ngã xuống đường bê tông. Sau đó, bị cáo tiếp tục vụt một nhát nữa vào vùng trán bên trái của bị hại N; làm bị hại Nguyễn Văn N bị thương với tỷ lệ thương tích hiện tại là 22%.

Hành vi dùng gậy rút kim loại gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn N của bị cáo, theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1, mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 dẫn chiếu quy định tại mục 2 Phần I Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì, chiếc gậy bị cáo sử dụng được xác định là “hung khí nguy hiểm”.

Đối với ý kiến bị cáo cho rằng, hành vi của bị cáo chỉ là tự vệ và quan điểm của Luật sư bào chữa về hành vi của bị cáo thuộc trường hợp gây thương tích cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. HĐXX thấy, hành vi phạm tội của bị cáo đã được thẩm tra, chứng minh tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và quan điểm đối đáp của Kiểm sát viên. Tại phiên tòa, bị cáo cũng thừa nhận bản thân không bị thương tích gì. Vì vậy, ý kiến trên của bị cáo và Luật sư bào chữa không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định và phân tích trên, căn cứ vào nguyên tắc có lợi cho bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đoàn Mạnh C đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nghiêm trọng. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Vì vậy, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo vẫn tác động gia đình nộp tạm ứng 7.000.000 đồng tại Phòng Thi hành án Quân khu 2 để thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Tự nguyện bồi thường thiệt hại”; “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại gây ra” và “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm b, đ, ý 1 điểm p khoản 1 Điều 46

BLHS năm 1999. Trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo được tặng 01 giấy khen. Bố, mẹ của bị cáo được Nhà nước tặng Huân chương chiến công hạng ba, Huy chương quân kỳ quyết thắng, chiến sĩ vẻ vang nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

[5] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Gia đình bị cáo gặp khó khăn, bị cáo là lao động chính, bố bị tai biến mạch máu não, mẹ bị thoát vị đĩa đệm, con còn nhỏ; bị cáo còn phải chăm sóc bà nội 95 tuổi, chú ruột mắc bệnh đái tháo đường. Căn cứ vào mục đích của hình phạt cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, HĐXX thấy, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 và Điều 65 BLHS năm 2015 cho bị cáo C, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội; đồng thời căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để ấn định thời gian thử thách, giao cho cơ quan, đơn vị nơi bị cáo làm việc để giám sát và giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Đối với hành vi của bị hại Nguyễn Văn N, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, N đã gọi điện thoại hẹn gặp bị cáo Đoàn Mạnh C để giải quyết mâu thuẫn và dùng gậy rút kim loại đánh nhau với C nhưng chưa gây thương tích cho C. Hành vi của N tuy chưa cấu thành tội phạm nhưng cũng là một phần lỗi dẫn đến hậu quả của vụ án. Vì vậy, bị hại Nguyễn Văn N phải chịu trách nhiệm dân sự về hậu quả của vụ án tương ứng với phần lỗi mà mình đã gây ra theo quy định tại khoản 4 Điều 585 BLDS.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn N cho rằng mọi hóa đơn chứng từ về chi phí cấp cứu, điều trị cho bị hại, gia đình đã nộp cho Cơ quan điều tra, đề nghị HĐXX giải quyết phần dân sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo C đã tác động gia đình nộp tạm ứng 7.000.000 đồng tại Phòng Thi hành án Quân khu 2 để thực hiện nghĩa vụ bồi thường và đề nghị giải quyết trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật; theo đề nghị của Viện kiểm sát, HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 590 BLDS để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo C, bao gồm các khoản:

- Chi phí cấp cứu, điều trị cho bị hại Nguyễn Văn N tại Bệnh viện đa khoa HV, ĐH, Phú Thọ; Bệnh viện VĐ, Hà Nội có hóa đơn chứng từ là 13.212.679 đồng.

- Tiền xe đi lại, đưa bị hại N đi cấp cứu tại Bệnh viện VĐ, Hà Nội: 650.000 đồng.

- Thu nhập thực tế bị mất của bị hại N trong thời gian điều trị: $(2.166.000 \text{ đồng} / 30 \text{ ngày}) \times 07 \text{ ngày} = 505.500 \text{ đồng}$.

- Thu nhập thực tế bị mất của bị hại N sau khi xuất viện: $(2.166.000 \text{ đồng} / 30 \text{ ngày}) \times 10 \text{ ngày} = 722.000 \text{ đồng}$.

- Bù đắp tổn thất tinh thần 7.000.000 đồng.

- Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại N (chị Ninh Mai A vợ bị hại N) trong 07 ngày điều trị là 1.327.790 đồng.

Tổng cộng các khoản là 23.417.969 đồng. Vì vậy, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường các chi phí để cấp cứu, điều trị, thu nhập thực tế bị mất, tổn thất tinh thần cho bị hại và khoản tiền mất thu nhập của người đi chăm sóc bị hại theo phần lỗi mà bị cáo đã gây ra là (50% tổng số tiền 23.417.969 đồng).

Bị cáo phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 BLDS.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc gậy rút kim loại bị cáo mang nộp cho Cơ quan CSĐT là chiếc gậy của bị hại Nguyễn Văn N nhưng là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên HĐXX căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để xử lý.

Đối với chiếc gậy rút kim loại mà bị cáo đã sử dụng gây thương tích cho bị hại N; bị cáo C khai trong quá trình bỏ chạy không biết bị rơi ở đâu. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tổ chức xác minh, khám xét, truy tìm nhưng không thu thập được; do vậy, không có căn cứ để HĐXX xem xét, xử lý.

[8] Theo quy định tại Điều 135, Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Đoàn Mạnh C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền còn phải bồi thường [(50% tổng số tiền 23.417.969 đồng) - 7.000.000 đồng].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Mạnh C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Đoàn Mạnh C 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (09/8/2018), giao bị cáo cho Công ty CKHC 13, Tổng cục CN để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Khi bị cáo Đoàn Mạnh C thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015.

2. Về bồi thường thiệt hại:

- Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 42 BLHS năm 1999; khoản 1, khoản 2 Điều 590 BLDS, buộc bị cáo Đoàn Mạnh C phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn N tổng số tiền 11.708.984 đồng; đã bồi thường 7.000.000 đồng (Phòng Thi hành án Quân khu 2, tạm thu để thi hành án theo Biên lai thu tiền ngày

03/8/2018); còn phải bồi thường tiếp 4.708.984 (bốn triệu bảy trăm linh tám nghìn chín trăm tám mươi bốn) đồng.

- Áp dụng Điều 357 BLDS, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì bên đó còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 BLDS.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 (một) chiếc gậy rút kim loại (vật chứng có đặc điểm như đã nêu tại Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 14/3/2017 của Công an huyện YS, tỉnh Tuyên Quang).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Đoàn Mạnh C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/8/2018) bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 2./

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAQSTW: 02b;
- TAQSQK2: 01b;
- VKSQSQK2: 01b;
- Phòng THAQK2: 01b;
- Phòng ĐTHSQK2: 01b;
- VKSQSKV22: 01b;
- CQĐTHSKV, Tổng cục CN : 01b;
- Trại tạm giam QK2: 01b;
- Luật sư Trương Văn D: 01b;
- Bị cáo Đoàn Mạnh C: 01b;
- Bị hại Nguyễn Văn N: 01b;
- Công ty CKHC 13, Tổng cục CN: 01b;
- Lưu THAHS: 01b;
- Lưu Hồ sơ: 01b;
- ĐM - In T.15b.

(Đã ký)

2// Lương Hữu Thật

